

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bông

Ông Bùi Xuân Nghi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị M, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Ông Đinh Văn N, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Ngô Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/11/2000, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn

không thể hàn gắn, nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm, không hợp nhau cả trong cách sống, sinh hoạt, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không tìm được tiếng nói chung.

Bên cạnh đó, ông N thường xuyên đánh đập, chửi bới, nhiếc móc mẹ con bà, bạo lực bà cả về thể chất lẫn tinh thần, thậm chí có lần đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không đoàn tụ lần nào, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, độc lập với nhau về kinh tế. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N để cả hai giải thoát cho nhau khỏi sự ràng buộc.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là Đinh Văn D, sinh ngày 21/11/2002; Đinh Thị Thùy L, sinh ngày 15/6/2005 và Đinh Thị Phương T, sinh ngày 08/12/2018.

Cháu D, cháu L đã trưởng thành, cả hai đều đang học đại học nên bà không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T, hiện cháu đang được bà nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà đề nghị khi ly hôn bà được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 27/02/2024, bị đơn ông Đinh Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: hai ông bà đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, hai ông bà ít khi mâu thuẫn vì ông đi làm ăn xa kiếm tiền nuôi con ăn học và trả nợ, một năm về nhà chỉ mấy ngày sum họp gia đình, không có chuyện mâu thuẫn vợ chồng. Bà M đề nghị ly hôn thì ông chỉ muốn hai vợ chồng không ở với nhau mà không cần ly hôn, sống ly thân cũng được để cho các con không ảnh hưởng việc học hành.

Ông đi làm ăn xa nên bà M muốn ly hôn chứ ông không đánh chửi vợ con, chỉ có tình thương yêu vợ con. Mong muốn của ông là vợ chồng về đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng về với nhau, gia đình hạnh phúc, các con tập trung học hành.

Về con chung: ông bà có ba con chung là Đinh Văn D, sinh năm 2002, Đinh Thị Thùy L, sinh năm: 2005, Đinh Thị Phương T, sinh năm: 2018, đối với hai cháu lớn thì không cần giải quyết. Đối với cháu bé thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu bà M cứ tiếp tục bắt buộc ông phải ly hôn thì ông trình bày cháu bé không phải là con của ông.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/4/2024, đại diện Ủy ban nhân dân xã T cho biết: bà M và ông N tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào tháng 11/2000. Trong quá trình chung sống, bà M và ông N phát sinh mâu thuẫn do ông N đi làm biệt lập một năm chỉ về có một, hai ngày dẫn đến bà M thiếu thốn tình cảm và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Việc bà M có tình cảm với người khác chỉ có tin đồn chứ không có ai báo làm việc hay lập biên bản gì nên không có căn cứ để cung cấp cho Tòa án. Bản thân ông N là người chăm chỉ, chịu khó, không chơi bời. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh N về nhà mẹ đẻ ở từ trước tết âm lịch. Có 3 lần ông N khóa cửa không cho bà M và con thứ 3 vào nhà nhưng cũng không thấy ông N đánh đập bà M.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông N không có mặt để làm việc, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ngô Thị M được ly hôn ông Đinh Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Phương T, sinh ngày 08/12/2018 cho bà M nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

- Về án phí: bà Ngô Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ yêu cầu đề nghị ly hôn, nuôi con của bà Ngô Thị M nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M, ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà M và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân là hợp pháp. Hai ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Bà M trình bày ông N có đánh đập mẹ con bà nhưng ông N không thừa nhận, kết quả xác minh tại địa phương cho thấy ông N không đánh đập gì bà M, do vậy, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà M về việc ông N có hành vi bạo lực gia đình.

Ông N trình bày bà M có hành vi ngoại tình, Tòa án đã thông báo cho ông N cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng ông N không thực hiện. Kết quả xác minh tại địa phương cũng không có tài liệu chứng minh bà M có hành vi ngoại tình. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông N.

Căn cứ vào các lời trình bày của bà M, ông N các tài liệu, chứng cứ thu thập được, nhận thấy giữa hai ông bà không còn sự yêu thương, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông N có mong muốn đoàn tụ gia đình thì lẽ ra phải thực hiện các biện pháp hàn gắn nhưng lại tự ý về nhà mẹ đẻ sống, quá trình giải quyết vụ án, ông N cũng không có mặt tại các phiên hòa giải, cũng như phiên tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân của hai ông bà đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: ông bà có 3 con chung là Đình Văn D1, sinh ngày 21/11/2002; Đình Thị Thùy L, sinh ngày 15/6/2005 và Đình Thị Phương T, sinh ngày 08/12/2018. Hiện cháu D1, cháu L đã trên 18 tuổi, cả hai đều đang học đại học, bà M, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu T, hiện cháu đang sống cùng bà M. Ông N trình bày cháu T không phải là con ruột của ông, trong khi đó bà M thừa nhận cháu T là con chung của hai vợ chồng. Tòa án đã yêu cầu ông N cung cấp tài liệu, chứng cứ

chứng minh và thông báo cho ông N làm đơn yêu cầu xác định cha con nhưng ông N không thực hiện. Xét cháu T sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của bà M và ông N, thể hiện tại Giấy khai sinh số 30, ngày 30/01/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, cháu Đinh Thị Phương T, sinh ngày 08/12/2018, có cha là Đinh Văn N, mẹ là Ngô Thị M, Tòa án xác định cháu T là con chung của hai ông bà. Do cháu đang sống cùng bà M, mặt khác, ông N không thừa nhận cháu T là con đẻ của ông nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà M trực tiếp nuôi để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định cuộc sống của cháu T. Bà M tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà M, ông N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà M khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M. Bà Ngô Thị M và ông Đinh Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Phương T, sinh ngày 08/12/2018 cho bà Ngô Thị M trực tiếp nuôi cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đinh Văn N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/23, số 0001599 ngày 27/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Tân Trào, H.Thanh Miện
(GCNKH 29, ngày 02/11/2001;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hương Lý

